



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 20 ngày 1 tháng 8 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Định	Chủ tịch
Ông Trần Vũ Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Trí	Thành viên
Ông Giang Trung Kiên	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên (từ ngày 18/4/2025)
Bà Lê Thị Hải	Thành viên (đến ngày 17/4/2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Định	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Mipec Tower
Số 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên,
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: các Cổ đông
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-02-00219-25-2



Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 29-08-2025

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.718.730.704.861	1.921.002.547.936
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		107.241.634.074	92.234.971.224
Tiền	111	8	107.241.634.074	92.234.971.224
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.842.506.867.781	1.087.735.468.942
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(2.044.654.919)	(2.095.304.108)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	1.841.941.522.700	1.087.220.773.050
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		566.886.514.823	511.252.794.182
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	470.101.127.370	455.279.442.869
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.438.967.204	5.456.574.164
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	90.354.526.466	51.249.061.373
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.008.106.217)	(732.284.224)
Hàng tồn kho	140		174.724.944.357	210.436.116.218
Hàng tồn kho	141	12	174.724.944.357	210.436.116.218
Tài sản ngắn hạn khác	150		27.370.743.826	19.343.197.370
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.993.416.089	4.087.387.636
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.665.041.979	13.765.768.369
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	1.712.285.758	1.490.041.365

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		591.786.583.866	1.058.956.123.770
Các khoản phải thu dài hạn	210		130.723.431	112.549.408
Phải thu dài hạn khác	216		130.723.431	112.549.408
Tài sản cố định	220		289.207.069.367	293.641.148.767
Tài sản cố định hữu hình	221	13	218.476.678.179	223.061.806.119
Nguyên giá	222		976.790.177.126	963.161.283.038
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(758.313.498.947)	(740.099.476.919)
Tài sản cố định vô hình	227	14	70.730.391.188	70.579.342.648
Nguyên giá	228		88.165.014.654	87.675.014.654
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.434.623.466)	(17.095.672.006)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.066.047.815	8.440.764.617
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	8.066.047.815	8.440.764.617
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	500.400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(b)	-	500.400.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		294.382.743.253	256.361.660.978
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	288.656.192.361	251.566.635.106
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	5.726.550.892	4.795.025.872
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.310.517.288.727	2.979.958.671.706

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.482.588.595.858	2.096.167.311.152
Nợ ngắn hạn	310		2.381.411.063.679	2.021.564.655.119
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	658.615.463.087	722.785.504.323
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		22.612.525.053	25.091.591.759
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	16.597.500.802	16.734.464.141
Phải trả người lao động	314		57.013.918.289	56.854.887.494
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	8.756.026.667	4.971.946.864
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		8.014.704	50.727.273
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	84.134.295.979	12.668.256.905
Vay ngắn hạn	320	22	1.503.518.120.714	1.171.191.859.550
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	30.155.198.384	11.215.416.810
Nợ dài hạn	330		101.177.532.179	74.602.656.033
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	101.177.532.179	74.602.656.033
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		827.928.692.869	883.791.360.554
Vốn chủ sở hữu	410	24	827.928.692.869	883.791.360.554
Vốn cổ phần	411	25	603.426.380.000	603.426.380.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	25	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		156.674.720.641	156.674.720.641
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		56.147.682.194	108.110.433.227
- <i>Lỗ lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		(380.563.215)	(291.106.412)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay</i>	421b		56.528.245.409	108.401.539.639
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.729.610.034	15.629.526.686
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.310.517.288.727	2.979.958.671.706

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng kế toán tài chính

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 30/6/2024 VND VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	2.352.377.556.976	2.055.345.365.510
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	36.175.629.466	38.055.659.639
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	2.316.201.927.510	2.017.289.705.871
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	1.916.869.705.399	1.673.559.328.714
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		399.332.222.111	343.730.377.157
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	52.223.044.107	43.234.283.775
Chi phí tài chính	22	31	38.188.976.188	26.876.896.030
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>28.078.805.015</i>	<i>20.054.911.531</i>
Chi phí bán hàng	25	32	230.937.748.680	183.750.794.264
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	110.329.345.389	96.314.589.949
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		72.099.195.961	80.022.380.689
Thu nhập khác	31	34	4.501.808.582	496.166.128
Chi phí khác	32		182.402.051	51.210.888
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.319.406.531	444.955.240
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		76.418.602.492	80.467.335.929
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	17.409.015.409	16.881.778.859
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	36	(931.525.020)	(151.489.324)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		59.941.112.103	63.737.046.394

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		59.941.112.103	63.737.046.394
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		56.528.245.409	60.681.251.666
Cổ đông không kiểm soát	62		3.412.866.694	3.055.794.728
Đã điều chỉnh lại				
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	588	657

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng kế toán tài chính

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	76.418.602.492	80.467.335.929
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	20.126.487.486	20.337.224.431
Các khoản dự phòng	03	225.172.804	67.145.292
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.051.089.638	31.814.487
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(47.396.934.545)	(42.833.449.283)
Chi phí lãi vay	06	28.078.805.015	20.054.911.531
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	78.503.222.890	78.124.982.387
Biến động các khoản phải thu	09	(18.707.442.884)	(20.698.490.846)
Biến động hàng tồn kho	10	33.902.187.220	13.392.205.548
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(39.278.353.463)	231.198.826.928
Biến động chi phí trả trước	12	(41.804.115.871)	(6.995.351.441)
		12.615.497.892	295.022.172.576
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.632.918.852)	(18.344.763.700)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.648.061.270)	(13.260.914.511)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(23.543.640.535)	(10.976.836.901)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(53.209.122.765)	252.439.657.464

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(9.919.942.386)	(5.609.184.157)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	176.208.820	210.592.592
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(391.320.749.650)	(722.957.132.800)
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	137.000.000.000	448.300.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	6.900.846.473	26.677.748.746
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(257.163.636.743)	(253.377.975.619)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.915.281.606.743	1.366.788.490.016
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.582.955.345.579)	(1.318.264.286.570)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36	(6.947.144.179)	(5.314.119.004)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	325.379.116.985	43.210.084.442
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	15.006.357.477	42.271.766.287
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	92.234.971.224	69.346.756.213
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	305.373	190.240
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	107.241.634.074	111.618.712.740

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng kế toán tài chính

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2025: 6 công ty con) như sau:

		30/6/2025 và 1/1/2025	
		% sở hữu	
	Hoạt động chính	Địa chỉ	và % quyền biểu quyết
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	TP. Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty và các công ty con có 1.026 nhân viên (1/1/2025: 1.051 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần trăm sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
▪ máy móc, thiết bị	2 - 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	2 - 10 năm
▪ tài sản khác	2 - 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 40 - 60 năm. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho các lô đất mà có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Vở bình gas

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vở bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vở bình gas nhận được. Theo đó, vở bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ, chi phí san lấp và các chi phí trả trước khác.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng.

Chi phí san lấp được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 44 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi tăng thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(n) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán báo cáo chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty và các công ty con

Không có sự thay đổi đáng kể nào về cơ cấu của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	8.592.248.179	3.745.778.204
Tiền gửi ngân hàng	98.482.415.162	88.489.193.020
Tiền đang chuyển	166.970.733	-
	107.241.634.074	92.234.971.224

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

			30/6/2025 Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
	Số lượng	Giá gốc VND		
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	100.000	2.610.000.000	565.345.081	(2.044.654.919)
			1/1/2025 Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
	Số lượng	Giá gốc VND		
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	100.000	2.610.000.000	514.695.892	(2.095.304.108)

Giá thị trường của khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.841.941.522.700	1.087.220.773.050
	1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.087.220.773.050	1.087.220.773.050
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	500.400.000.000	(*)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng	8.086.056.906	11.278.635.470
Công ty TNHH Xăng dầu Điện Biên	1.983.279.314	7.198.803.202
Công ty TNHH Xăng dầu Phú Thọ	-	10.356.797.445
Công ty TNHH Xăng dầu Hà Giang	3.252.218.112	6.360.261.115
Công ty TNHH Xăng dầu Lạng Sơn	4.143.884.003	7.332.331.542
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam khác	86.409.384.356	51.663.001.316
Bên khác		
Công ty TNHH Formosa Taffeta Việt Nam	20.657.628.046	758.812.115
Công ty Cổ phần kinh doanh LPG Việt Nam	11.638.079.420	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Chế biến Khoáng sản Phenikaa Huế	10.336.832.413	10.279.301.281
Chi nhánh Công ty TNHH Lixil Việt Nam tại Hưng Yên	9.886.113.061	3.939.963.995
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	7.360.306.272	11.456.690.608
Khác	306.347.345.467	334.654.844.780
	470.101.127.370	455.279.442.869

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi tiền gửi	79.242.762.465	38.900.970.689
Phải thu người lao động	6.750.564.429	6.560.231.525
Phải thu ngắn hạn khác	4.361.199.572	5.787.859.159
	90.354.526.466	51.249.061.373

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Hàng tồn kho**

	30/6/2025 Giá gốc VND	1/1/2025 Giá gốc VND
Hàng mua đang đi trên đường	84.947.597	50.627.224.694
Nguyên vật liệu	73.105.605.242	64.628.502.652
Công cụ và dụng cụ	1.307.347.200	1.949.184.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.432.075.969	2.790.526.680
Thành phẩm	1.983.684.390	1.095.199.551
Hàng hóa	94.811.283.959	89.345.478.641
	174.724.944.357	210.436.116.218

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	416.131.424.419	393.301.160.241	130.300.737.657	17.660.222.699	5.767.738.022	963.161.283.038
Tăng trong kỳ	2.974.418.141	1.217.847.529	4.441.446.882	86.000.000	130.214.266	8.849.926.818
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 15)	3.455.700.302	10.943.300	-	-	149.448.720	3.616.092.322
Chuyển từ hàng tồn kho	-	1.808.984.641	-	-	-	1.808.984.641
Thanh lý	(30.424.173)	(70.334.120)	-	(55.351.400)	-	(156.109.693)
Phân loại lại sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 14)	-	-	(490.000.000)	-	-	(490.000.000)
Số dư cuối kỳ	422.531.118.689	396.268.601.591	134.252.184.539	17.690.871.299	6.047.401.008	976.790.177.126
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	292.195.828.822	328.486.195.039	98.992.015.336	15.550.885.714	4.874.552.008	740.099.476.919
Khấu hao trong kỳ	6.324.259.849	7.141.962.813	4.185.254.835	525.350.751	171.390.949	18.348.219.197
Thanh lý	(30.424.173)	(48.421.596)	-	(55.351.400)	-	(134.197.169)
Số dư cuối kỳ	298.489.664.498	335.579.736.256	103.177.270.171	16.020.885.065	5.045.942.957	758.313.498.947
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	123.935.595.597	64.814.965.202	31.308.722.321	2.109.336.985	893.186.014	223.061.806.119
Số dư cuối kỳ	124.041.454.191	60.688.865.335	31.074.914.368	1.669.986.234	1.001.458.051	218.476.678.179

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 389.594 triệu VND (1/1/2025: 373.284 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	75.731.115.918	11.943.898.736	87.675.014.654
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	-	490.000.000	490.000.000
Số dư cuối kỳ	75.731.115.918	12.433.898.736	88.165.014.654
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	5.613.502.469	11.482.169.537	17.095.672.006
Khấu hao trong kỳ	173.691.786	165.259.674	338.951.460
Số dư cuối kỳ	5.787.194.255	11.647.429.211	17.434.623.466
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	70.117.613.449	461.729.199	70.579.342.648
Số dư cuối kỳ	69.943.921.663	786.469.525	70.730.391.188

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 10.854 triệu VND (1/1/2025: 10.854 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	8.440.764.617	8.324.394.154
Tăng trong kỳ	3.241.375.520	4.437.948.678
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	(3.616.092.322)	(2.970.369.940)
Số dư cuối kỳ	8.066.047.815	9.791.972.892

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phương tiện vận chuyển đang lắp đặt	3.947.184.088	-
Nội thất tòa nhà văn phòng Sài Gòn	-	4.788.112.333
Lắp đặt bồn chứa ga tại Chi nhánh Quảng Bình và Khánh Hòa	-	913.344.789
Các công trình khác	4.118.863.727	2.739.307.495
	8.066.047.815	8.440.764.617

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Vỏ bình gas	Chi phí	Chi phí trả	Tổng cộng
	VND	đất trả trước	trước khác	VND
	VND	VND	VND	
Số dư đầu kỳ	207.164.772.209	20.754.944.672	23.646.918.225	251.566.635.106
Tăng trong kỳ	62.074.478.039	1.630.786.666	5.249.589.215	68.954.853.920
Phân bổ trong kỳ	(25.157.577.165)	(1.439.316.829)	(4.760.140.161)	(31.357.034.155)
Thanh lý	(508.262.510)	-	-	(508.262.510)
Số dư cuối kỳ	243.573.410.573	20.946.414.509	24.136.367.279	288.656.192.361

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	5.726.550.892	4.795.025.872

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan		
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	733.919.721	1.276.428.761
Bên khác		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam –		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	311.587.233.630	422.476.279.156
Itochu Petroleum Co., Pte.Ltd	187.934.492.177	106.008.310.364
Công ty TNHH EI Corporation	88.047.080.404	130.161.580.213
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	34.798.538.450	10.814.348.949
Các nhà cung cấp khác	35.514.198.705	52.048.556.880
	658.615.463.087	722.785.504.323

Khoản phải trả người bán đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế	1/1/2025		Số phát sinh trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		30/6/2025	
	Phải thu VND	Phải trả VND	VND		VND		Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	-	1.359.185.440	24.557.621.521		(23.495.552.464)		(15.451.005)	2.436.705.502
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	5.837.650.929	65.153.637.410		(66.755.368.536)		-	4.235.919.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.395.359.324	17.409.015.409		(15.648.061.270)		-	9.156.313.463
Thuế thu nhập cá nhân	(1.490.041.365)	1.829.636.488	7.284.073.194		(8.139.700.735)		(923.365.000)	407.332.582
Thuế nhập khẩu	-	-	11.377.620.442		(11.377.620.442)		-	-
Thuế khác	-	312.631.960	1.399.695.198		(2.124.567.459)		(773.469.753)	361.229.452
	(1.490.041.365)	16.734.464.141	127.181.663.174		(127.540.870.906)		(1.712.285.758)	16.597.500.802

(*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ là số sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Trích trước chi phí lãi vay	4.528.133.125	3.082.246.962
Trích trước chi phí hoạt động	4.227.893.542	1.889.699.902
	8.756.026.667	4.971.946.864

21. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan		
Cổ tức phải trả công ty mẹ	34.764.728.900	-
Bên khác		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	3.896.423.586	3.444.937.235
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	31.932.727.500	324.242.900
Phải trả ngắn hạn khác	13.540.415.993	8.899.076.770
	84.134.295.979	12.668.256.905

Khoản phải trả ngắn hạn khác với bên liên quan không có bảo đảm, không tính lãi và đã được thanh toán vào tháng 7 năm 2025.

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Vay VND	Trả nợ vay VND	
Vay ngắn hạn	1.171.191.859.550	1.915.281.606.743	(1.582.955.345.579)	1.503.518.120.714

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Bank of China	VND	58.893.586.131	204.448.115.899
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	519.776.711.559	85.062.004.756
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	161.782.561.343	520.131.070.567
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	-	28.697.478.929
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	63.177.763.885	12.318.447.757
Ngân hàng BNP Paribas	VND	488.917.183.928	173.608.885.623
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank)	VND	202.270.313.868	146.925.856.019
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	VND	8.700.000.000	-
		1.503.518.120.714	1.171.191.859.550

Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay tín chấp, chịu lãi suất cố định theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	11.215.416.810	2.874.256.550
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 24)	42.483.422.109	23.177.595.825
Sử dụng trong kỳ	(23.543.640.535)	(10.976.836.901)
Số dư cuối kỳ	30.155.198.384	15.075.015.474

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	603.426.380.000	(49.700.000)	156.674.720.641	95.013.940.939	13.899.624.163	868.964.965.743
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	60.681.251.666	3.055.794.728	63.737.046.394
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(22.897.905.351)	(279.690.474)	(23.177.595.825)
Chia cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(72.407.142.000)	(5.314.119.004)	(77.721.261.004)
Số dư tại ngày 30/6/2024	603.426.380.000	(49.700.000)	156.674.720.641	60.390.145.254	11.361.609.413	831.803.155.308
Số dư tại ngày 1/1/2025	603.426.380.000	(49.700.000)	156.674.720.641	108.110.433.227	15.629.526.686	883.791.360.554
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	56.528.245.409	3.412.866.694	59.941.112.103
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(42.117.782.942)	(365.639.167)	(42.483.422.109)
Chia cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(66.373.213.500)	(6.947.144.179)	(73.320.357.679)
Số dư tại ngày 30/6/2025	603.426.380.000	(49.700.000)	156.674.720.641	56.147.682.194	11.729.610.034	827.928.692.869

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi các cổ phiếu đó được phát hành lại.

26. Cổ tức

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2025 về việc chia cổ tức năm 2024, tại cuộc họp ngày 18 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt phương án phân phối cổ tức năm 2024 bằng tiền là 66.373 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: 72.407 triệu VND).

27. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	1.724,09	43.910.062	23.190,13	583.879.564
Euro ("EUR")	98,77	2.975.743	209,46	5.317.686
		<u>46.885.805</u>		<u>589.197.250</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng và nhận ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	2.325.742.508.250	2.027.066.858.855
▪ Cung cấp dịch vụ	23.818.058.444	26.379.887.493
▪ Cho thuê	1.496.761.113	1.446.297.162
▪ Khác	1.320.229.169	452.322.000
	2.352.377.556.976	2.055.345.365.510
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(24.327.198.174)	(26.801.175.095)
▪ Hàng bán bị trả lại	(11.848.431.292)	(11.254.484.544)
	(36.175.629.466)	(38.055.659.639)
Doanh thu thuần	2.316.201.927.510	2.017.289.705.871

29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	1.900.529.019.894	1.649.073.669.112
▪ Cung cấp dịch vụ	15.290.744.738	23.634.965.211
▪ Kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	1.049.940.767	850.694.391
	1.916.869.705.399	1.673.559.328.714

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	47.242.638.249	42.622.856.691
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.977.727.456	607.331.084
Doanh thu khác	2.678.402	4.096.000
	52.223.044.107	43.234.283.775

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	28.078.805.015	20.054.911.531
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.109.730.724	6.757.372.198
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.051.089.638	31.814.487
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(50.649.189)	32.797.814
	38.188.976.188	26.876.896.030

32. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	67.649.006.122	51.041.589.177
Chi phí khấu hao	1.299.530.934	1.273.750.846
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	25.124.774.864	24.354.942.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.701.962.188	61.311.246.024
Chi phí bán hàng khác	49.162.474.572	45.769.266.041
	230.937.748.680	183.750.794.264

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	57.928.565.422	52.784.079.214
Chi phí khấu hao	3.095.401.619	3.167.863.318
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	275.821.993	34.347.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.749.048.615	16.911.826.797
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	29.280.507.740	23.416.473.142
	110.329.345.389	96.314.589.949

34. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	154.296.296	210.592.592
Chênh lệch thừa kiểm kê hàng tồn kho	4.198.766.627	282.528.267
Thu nhập khác	148.745.659	3.045.269
	4.501.808.582	496.166.128

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	144.024.362.055	139.833.194.103
Chi phí nhân viên	160.926.194.944	139.852.577.156
Chi phí khấu hao và phân bổ	20.126.487.486	20.337.224.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.599.507.627	90.101.897.815
Chi phí khác	106.906.219.324	123.267.226.329

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	17.371.903.109	16.865.785.526
Dự phòng thiếu trong những năm trước	37.112.300	15.993.333
	17.409.015.409	16.881.778.859
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(931.525.020)	(151.489.324)
	16.477.490.389	16.730.289.535

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	76.418.602.492	80.467.335.929
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	15.283.720.498	16.093.467.186
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.156.657.591	620.829.016
Dự phòng thiếu trong những năm trước	37.112.300	15.993.333
	16.477.490.389	16.730.289.535

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
		Điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	56.528.245.409	60.681.251.666
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(21.058.891.471)	(21.058.891.471)
	35.469.353.938	39.622.360.195
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (số cổ phiếu)	60.339.285	60.339.285
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	588	657

- (*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 21.059 triệu VND, căn cứ trên kết quả kinh doanh và số đã trích cho năm 2024.

(b) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2024. Theo đó, Tổng công ty đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 42.117.782.942 VND. Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được điều chỉnh lại từ 11.448.952.676 VND thành 21.058.891.471 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại, như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024	
	(điều chỉnh lại)	(theo báo cáo trước đây)
	VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	657	816

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Chia cổ tức	34.764.728.900	37.925.158.800
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
<i>Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế</i>		
Bán hàng hóa	70.724.727.421	33.819.819.116
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	49.341.007.450	23.072.146.780
<i>Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam</i>		
Bán hàng hóa	52.225.780.180	27.011.122.270
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i>		
Bán hàng hóa	45.826.939.120	22.801.065.160
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i>		
Bán hàng hóa	42.231.671.520	20.669.769.670
<i>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn – Công ty Xăng dầu Hà Bắc</i>		
Bán hàng hóa	13.686.110.680	20.128.963.690
<i>Công ty Xăng dầu Nghệ An</i>		
Bán hàng hóa	43.952.239.880	22.260.166.820
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Trị</i>		
Bán hàng hóa	43.819.761.894	21.512.494.543
<i>Công ty Xăng dầu Lâm Đồng</i>		
Bán hàng hóa	46.973.728.870	21.744.098.834
<i>Công ty Xăng dầu Thanh Hóa</i>		
Bán hàng hóa	36.467.525.020	18.314.280.320
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Bán hàng hóa	736.628.643.280	344.992.871.318

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2025 30/6/2024
VND VND

Hội đồng Quản trị

Lương thưởng và thù lao

Ông Nguyễn Quang Định – Chủ tịch	459.000.000	336.049.970
Ông Nguyễn Quang Dũng – Chủ tịch	-	66.012.857
Ông Trần Vũ Nam – Thành viên	70.400.000	43.937.100
Ông Nguyễn Hữu Quang – Tổng Giám đốc – Thành viên (*)	508.150.000	250.338.979
Ông Nguyễn Khắc Trí – Tổng Giám đốc – Thành viên (*)	444.400.000	245.297.333
Ông Giang Trung Kiên – Thành viên	70.400.000	43.937.100

Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác

Lương thưởng và thù lao

Ông Nguyễn Đăng Công – Phó Tổng Giám đốc	374.000.000	241.787.031
Bà Đỗ Thị Vân Chi – Phó Tổng Giám đốc	374.000.000	245.593.824
Ông Nguyễn Việt Dũng – Phó Tổng Giám đốc	70.400.000	43.937.100
Ông Bùi Thanh Định – Phó Tổng Giám đốc	374.000.000	225.131.596
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kế toán trưởng	293.250.000	186.098.053

Ban Kiểm soát

Lương và thù lao

Ông Kiều Văn Chiến – Trưởng ban	374.000.000	221.391.266
Bà Nguyễn Thị Yến – Thành viên (từ ngày 18/4/2025)	66.640.000	-
Bà Lê Thị Hải – Thành viên (đến ngày 17/4/2025) (**)	-	174.240.599
Ông Doãn Duy Đạo – Thành viên	44.800.000	30.723.608

(*) Các ông Nguyễn Hữu Quang và ông Nguyễn Khắc Trí là thành viên kiêm nhiệm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc và chỉ nhận lương cho vai trò thành viên Ban Tổng Giám đốc.

(**) Bà Lê Thị Hải không nhận thù lao trong năm 2025.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng kế toán tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

